TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17.11.2017
"V/v tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Phú Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọ

2. Bà Nguyễn Thị Tơ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Đình Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2016/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2017/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim X, sinh năm: 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm: 1963(có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L, phường H, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần P – Giám đốc Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Bình Thuận (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016). (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Anh Lý Quốc T, sinh năm: 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: 55G Khu phố L, xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3. Chị Trần Thị Ngọc Q, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 818/34D Xô Viết Nghệ Tỉnh, phường 25, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1676 đường 30 tháng 4, phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

5. Cháu Trương Duy L1, sinh năm: 1992 (có mặt) và cháu Trương Duy L, sinh năm: 1996(có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

6. Ông Nguyễn H, sinh năm: 1948 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1948 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim X trình bày:

Ngày 29/5/2015, chị và anh Trương Văn H ly hôn theo bản án số: 11/2015/HNGĐ – PT của Tòa án nhân dân tỉnh B Thuận. Về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn thì anh, chị không thỏa thuận được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung.

Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4, có diện tích 129,5m^2 được xây dựng năm 2011 tọa lạc trên diện tích đất là 500m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 788277 do UBND huyện H cấp ngày 22/6/2004 đứng tên Nguyễn Thị Kim X. Nguồn gốc diện tích đất này của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị K là cha mẹ đẻ của chị cho.

Về nợ chung: Khi xây dựng căn nhà vợ chồng anh, chị chỉ có 120 triệu đồng nhưng trong quá trình xây nhà thì phát sinh thêm, tổng kinh phí xây nhà là 280 triệu đồng. Do đó, chị đã đi vay mượn thêm 150.000.000 đồng để trang trải việc xây nhà, cụ thể: Vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 10.000.000 đồng, mượn anh Lý Quốc T 50.000.000 đồng, mượn chị Trần Thị Ngọc Q 50.000.000 đồng, mượn anh Nguyễn Thanh B 40.000.000 đồng.

Chị yêu cầu chia đôi số nợ chung 150.000.000 đồng, chia 6/4 trị giá căn nhà 279.735.290 đồng và chia 2/3 trị giá 500m^2 đất 138.000.000 đồng, chị muốn được hưởng 2/3 giá trị đất do đất có nguồn gốc của cha mẹ đẻ của chị cho. Cách thức chia thì chị có nguyện vọng được nhận nhà đất, chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ chung và hoàn lại giá trị tài sản chênh lệnh cho anh Hải theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản, sau khi đã trừ các khoản nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn H trình bày:

Anh thống nhất vợ chồng anh xây nhà năm 2011, anh không biết diện tích nhà cũng như số tiền xây nhà vì toàn bộ quá trình xây nhà như kêu thợ, mua vật

liệu cũng như kinh phí liên quan đến xây nhà do vợ anh trực tiếp quyết định. Đến thời điểm ly hôn thì anh mới biết số tiền xây nhà là khoảng 280 triệu đồng. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị X vì khi ly hôn, chị X có nói là để nhà lại cho cha con anh ở và ý định của anh là sau khi con trai lấy vợ thì anh sẽ về lại nhà cha đẻ ở và giao nhà lại cho các con, không tranh chấp gì. Riêng về quyền sử dụng đất diện tích 500m^2 có nguồn gốc là cha mẹ vợ cho vợ chồng anh trong thời K hôn nhân nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 788277 do UBND huyện H cấp ngày 22/6/2004 đứng tên Nguyễn Thị Kim X là vì anh làm nghề tài xế nguy hiểm, không biết sống chết thế nào nên anh không quan tâm. Anh không đồng ý chia quyền sử dụng đất diện tích 500m^2 anh cũng muốn giao lại đất này cho con.

Về nợ chung thì anh chỉ biết vợ chồng anh có nợ 45 triệu đồng, anh chấp nhận chia đôi trách nhiệm trả nợ chung 45 triệu đồng nhưng anh không biết và không đồng ý khoản nợ chung là 150 triệu đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ngọc Q trình bày: Vào ngày 10/02/2012, chị Nguyễn Thị Kim X có đến nhà chị mượn 50.000.000 đồng để trả tiền vật liệu xây nhà với thời hạn 05 năm. Đến ngày 23/5/2017, chị có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết, buộc anh Hải, chị X phải trả cho chị số tiền là: 50.000.000đồng, không tính lãi suất. Số tiền chị cho mượn là tiền riêng của chị vì vợ chồng chị đã ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần P – Giám đốc Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Bình Thuận là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/3/2015, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh B Thuận đã giải ngân cho chị Nguyễn Thị Kim X vay số tiền là: 10.000.000đồng theo khế ước nhận nợ số 6600000703702350, lãi suất 0,6%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 17/3/2018. Tại tờ trình ngày 12/12/2016 và công văn số: 56/CV-NHCS ngày 04/10/2017, Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh B Thuận có tờ trình đề nghị Tòa án buộc người có nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn là người được thừa hưởng bất động sản tại địa phương để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Quốc T trình bày: Vào ngày 20/5/2013, chị Nguyễn Thị Kim X có đến nhà vợ chồng anh mượn 50.000.000đồng để trả tiền vật liệu xây nhà với thời hạn 05 năm, không tính lãi suất. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì anh chưa có yêu cầu giải quyết;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh B trình bày: Vào ngày 08/02/2012, chị Nguyễn Thị Kim X có đến nhà anh mượn 40.000.000đồng để trả tiền vật liệu xây nhà với mức lãi suất 20%. Tiền vay không kỳ hạn, khi nào lấy lại tiền thì anh báo trước 01 tháng. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì anh chưa có yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị K thống nhất trình bày:

Năm 1979, vợ chồng ông bà có khai phá và sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông, bà có 08 người con và khi các con lập gia đình thì vợ chồng ông bà đều chia một phần đất để ở, trong đó có Nguyễn Thị Kim X. Năm 2004, vợ chồng ông bà có chia cho con gái là Nguyễn Thị Kim X diện tích 500m^2 và sau đó đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 788277, ngày 22/6/2004 đứng tên Nguyễn Thị Kim X. Ông H, bà K khẳng định chỉ cho riêng con gái chứ không cho hộ gia đình. Nay các bên tranh chấp chia tài sản chung thì ông bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết đối với diện tích 500m^2 mà ông bà đã cho riêng con gái là Nguyễn Thị Kim X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cháu Trương Duy L1 trình bày:

Năm 2011, cha mẹ cháu là anh Hải, chị X có xây căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 500m^2 do ông bà ngoại cho. Cháu không biết tiền xây nhà bao nhiêu và ai bỏ ra là và nợ bao nhiêu. Nay cha mẹ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung thì cháu là người đang ở nhà này nên cháu muốn giữ lại căn nhà này để ở, không chia. Tại thời điểm xây nhà thì cháu đang đi học, chưa có đóng góp gì cho cha mẹ. Tính đến thời điểm hiện nay thì cháu vẫn chưa đóng góp gì cho cha mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cháu Trương Duy L trình bày:

Năm 2011, cha mẹ cháu là anh Hải, chị X có xây căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 500m^2 do ông bà ngoại cho. Cháu không biết tiền xây nhà bao nhiêu và ai bỏ ra là và nợ bao nhiêu. Nay cha mẹ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung thì cháu đề nghị chia cho mẹ cháu nhiều hơn. Về phần đóng góp trong khối tài sản chung thì cháu chưa đóng góp gì cho cha mẹ nên không yêu cầu chia cho cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn giao nhà đất cho chị X sử dụng chị X hoàn lại cho anh Hải ½ giá trị căn nhà và 1/3 giá trị 500m^2 đất là 185.867.645 đồng. Buộc chị X và anh Hải trả cho chị Q 50.000.000 đồng, được chia phần cho mỗi người là 25.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ vay mượn của Ngân hàng chính sách Việt Nam 10.000.000 đồng, anh Lý Quốc T 50.000.000 đồng và anh Nguyễn Thanh B 40.000.000 đồng do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan này không có yêu cầu độc lập nên HĐXX không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án***: Căn cứ đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo, có cơ sở xác định đây là tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B Thuận theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông P, chị Q, anh T, anh B và ông H, bà K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. ***Về thời hiệu khởi kiện:*** Theo quy định tại Điều 149 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 184 BLTTDS 2015, Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên nhưng trong vụ án này không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[3]. ***Về nội dung***: Xác định tài sản chung của vợ chồng đang yêu cầu chia bao gồm:

Nhà cấp 4A có diện tích 133,48m^2 và các công trình khác bao gồm sân láng xi măng, cổng tường rào xây, giếng nước theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 05/5/2017 thì tổng giá trị hiện tại là: 279.735.290 đồng. Đối với tài sản này thì hai bên đều thừa nhận đây là tài sản chung trong thời K hôn nhân. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và Hội đồng xét xử ghi nhận sự thừa nhận của các đương sự. Tuy nhiên về giá trị tài sản thì bị đơn không chấp nhận và cho rằng giá trị là: 600.000.000 đồng nhưng bị đơn không đưa ra được cơ sở nào để xác định giá trị nhà và các công trình khác là 600.000.000 đồng nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bị đơn. Xét yêu cầu của chị X là được nhận căn nhà và hoàn lại 4/10 trị giá căn nhà cho anh Hải theo biên bản định giá tài sản ngày 05/5/2017. Hội đồng xét xử xác định căn nhà là tài sản được xác lập trong thời K hôn nhân và chị X cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh là mình có đóng góp nhiều hơn nên chia đôi giá trị căn nhà là phù hợp, ngoài ra chị X chưa có nhà ở, hợp đồng thuê nhà ở đã hết hạn, nhằm bảo đảm nơi ở cũng như ổn định cuộc sống và bảo vệ quyền lợi phụ nữ sau khi ly hôn, mặt khác anh Hải còn khả năng là về nhà cha đẻ sinh sống nên cần giao nhà đất cho chị X sử dụng là phù hợp.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 08/6/2017 thì diện tích 500m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 788277 do UBND huyện H cấp ngày 22/6/2004 đứng tên Nguyễn Thị Kim X theo giá thị trường là: 138.000.000 đồng. Bị đơn không chấp nhận và cho rằng giá trị là: 440.000.000đồng nhưng bị đơn cũng không đưa ra được cơ sở nào để xác định quyền sử dụng đất là 440.000.000 đồng nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bị đơn. Xét nguồn gốc diện tích 500m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 788277 do UBND huyện H cấp ngày 22/6/2004 đứng tên Nguyễn Thị Kim X là của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị K cho con gái là Nguyễn Thị Kim X nhưng trong quyết định cấp đất là hộ Nguyễn Thị Kim X. Mặt khác, năm 2011 thì chị X đã tự nguyện nhập tài sản này vào khối tài sản chung thông qua việc xây nhà ở chung. Nguồn gốc đất là do cha mẹ đẻ cho nên có công sức nhiều hơn anh Hải đối với 500m^2 đất này. Ngoài ra,

qua xem xét các chứng cứ, xác định cháu L1 và cháu L không có đóng góp gì đối với diện tích đất này nên yêu cầu được chia 2/3 giá trị đất của nguyên đơn là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Đối với các đồ dùng sinh hoạt trong nhà các bên đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngày 23/5/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc Q có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Hải, chị X phải trả cho chị số tiền là: 50.000.000 đồng, không tính lãi suất. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu độc lập này bởi lẽ chị X thừa nhận đã mượn số tiền trên của chị Q để chi phí cho việc xây dựng căn nhà có giá trị 290.000.000 đồng, do quá trình xây dựng nhà thì luôn có sự phát sinh thêm, đây là nợ chung nên buộc anh Hải và chị X trả cho chị Q 50.000.000 đồng được chia phần cho mỗi người là 25.000.000 đồng.

Đối với các khoản nợ vay mượn của Ngân hàng chính sách Việt Nam 10.000.000 đồng, anh Lý Quốc T 50.000.000 đồng và anh Nguyễn Thanh B 40.000.000 đồng do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan này không có yêu cầu độc lập nên HĐXX không xét.

Ông H và bà K xác định 500m^2 đất chỉ cho riêng con gái nhưng chị X đã xáp nhập đất vào khối tài sản chung và thừa nhận là tài sản chung nên HĐXX căn cứ pháp luật giải quyết.

Theo biên bản định giá ngày 05/5/2017 và ngày 08/6/2017, Hội đồng định giá xác định căn nhà cấp 4A có diện tích 133,48m^2 và các công trình khác bao gồm sân láng xi măng, cổng tường rào xây, giếng nước có giá trị là: 279.735.290 đồng (279.735.290 đồng : 2 = 139.867.645 đồng); diện tích 500m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 788277 do UBND huyện H cấp ngày 22/6/2004 theo giá thị trường là: 138.000.000 đồng (138.000.000 đồng : 3 = 46.000.000 đồng). Phần giá trị tài sản mà chị X được hưởng là 139.867.645 đồng + 94.000.000 đồng = 233.867.645 đồng, phần giá trị tài sản mà anh Hải được hưởng là 139.867.645 đồng + 46.000.000 đồng = 185. 867.645 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị X tự nguyện chịu. Do chị X nộp tạm ứng lệ phí tố tụng nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp. Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở pháp lý, phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 213, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29, 33, 37, 59, 60, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

1. Xác định căn nhà cấp 4A có diện tích 133,48m^2 và các công trình khác bao gồm sân láng xi măng, cổng tường rào xây, giếng nước gắn liền quyền sử dụng 500m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 788277 do UBND huyện H cấp ngày 22/6/2004 đứng tên Nguyễn Thị Kim X là tài sản chung của chị Nguyễn Thị Kim X và anh Trương Văn H.

2. Phân chia tài sản:

Chị Nguyễn Thị Kim X được quyền sử dụng căn nhà cấp 4A có diện tích 133,48m^2 và các công trình khác bao gồm sân láng xi măng, cổng tường rào xây, giếng nước gắn liền quyền sử dụng 500m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 788277 do UBND huyện H cấp ngày 22/6/2004 đứng tên Nguyễn Thị Kim X. Chị Nguyễn Thị Kim X có nghĩa vụ thanh toán cho anh Trương Văn H 139.867.645 đồng là ½ giá trị căn nhà và 46.000.000 đồng là 1/3 giá trị của 500m^2 đất, tổng cộng là 185.867.645 đồng.

3. Chị Nguyễn Thị Kim X và anh Trương Văn H thanh toán cho chị Trần Thị Ngọc Q 50.000.000 đồng được chia phần cho mỗi người là 25.000.000 đồng.

Các khoản nợ vay mượn của Ngân hàng chính sách Việt Nam 10.000.000 đồng, anh Lý Quốc T 50.000.000 đồng và anh Nguyễn Thanh B 40.000.000 đồng do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan này không có yêu cầu độc lập nên HĐXX không xét.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Kim X chịu 12.943.382 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0011219 ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, chị X còn phải nộp thêm 9.443.382 đồng. Anh Trương Văn H phải chịu 10.543.382 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Trần Thị Ngọc Q 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0011403 ngày 23 tháng 5 năm 2017.

- Chị Nguyễn Thị Kim X tự nguyện chịu chi phí tố tụng, chị đã nộp đủ nên không phải nộp thêm.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án;

7. Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(kèm theo bản án có mảnh chỉnh lý trích lục địa chính ngày 25/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai H).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Phú Phước

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện H;
-THA dân sự huyện H;
-Các đương sự;
-Lưu HS.